

Mật Tạng Bộ 3_ No.1092 (Tr.351_ Tr.358)

KINH BÁT KHÔNG QUYỀN SÁCH THẦN BIẾN CHÂN NGÔN
QUYỀN THỨ HAI MƯƠI BA

Hán dịch: Đại Đường_ Thiên Trúc Tam Tạng BỒ ĐỀ LƯU CHÍ (Bodhi-ruci: Giác Ái, hay Dharma-ruci: Pháp Ái)

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

NHẤT THIẾT CHỪNG TỘC ĐÀN ÁN
PHẨM THỨ BỐN MƯƠI TÁM CHI HAI_

Đại Phần Nộ Vương Nhập Đàn Án:

Dựa theo Án thứ 12 lúc trước, chỉ sửa ngón trở phải hướng ra ngoài, duỗi thẳng Án này bên trong Đàn làm các Pháp Dụng

Đại Phần Nộ Vương Triệu Thỉnh Án:

Hai tay đem ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út... bên phải đè bên trái, cài chéo nhau bên trong lòng bàn tay, cùng móc nhau nắm chặt. Duỗi 2 ngón cái, đưa qua lại, trên dưới

Án Tam Muội này thỉnh triệu tất cả Chân Ngôn Minh Thần, Đàn Thần... hội Đàn rồi trụ

Đại Phần Nộ Vương Kiến Thật Tướng Án:

Dựa theo Án thứ 14 lúc trước, sửa lóng của 10 ngón, đều ló ra đầu lóng. Co 2 ngón cái, bên phải đè bên trái như Quyền. Hợp cổ tay dính nhau

Án Tam Muội này mau thấy tất cả **Pháp Tính** chân thật, thấy các người Trời

Đại Phần Nộ Vương Cúng Dường Án:

Chấp 2 tay lại, bên trong lòng bàn tay trống rỗng. Đều duỗi 2 ngón cái vịn trên vạch bên cạnh lóng giữa của ngón giữa. Đều co 2 ngón trở đè trên móng 2 ngón cái, lưng móng 2 ngón trở dính nhau

Án Tam Muội này: tất cả cõi nước 3 đời ở 10 phương hay tuôn mưa mọi loại 7 báu, quần áo, cung điện, lầu gác, phương, phan, lọng báu, các hoa trên bờ dưới nước, tất cả mây biển hương kỳ lạ, tất cả Phật Hội.... rộng làm cúng dường tất cả chư Phật Bồ Tát Ma Ha Tát ấy

Đại Phần Nộ Vương An Ủy Chư Thiên Án:

Tay phải kèm duỗi 5 ngón, co khuỷu tay ngang bằng với bắp tay, rón... hướng mặt lòng bàn tay ra ngoài, đem ngón trở vịn trên đầu ngón cái. Tay trái kèm duỗi 5 ngón rũ xuống bên dưới

Án Tam Muội này an ủi tất cả Thiên Thần hội trong Đàn, đều khiến cho vui vẻ, xin tất cả Nguyên

Đại Phần Nộ Vương Quán Đỉnh Án:

Chấp tay. Đem ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út kèm co 1 lóng của lóng trên, hợp đầu ngón trụ nhau. Duỗi thẳng 2 ngón cái kèm kèm nhau phụ bên cạnh ngón trở

Ấn Tam Muội này. Nếu Quán Đỉnh liền được tất cả Như Lai khen ngợi

Đại Phần Nộ Vương Phát Khiển Ấn:

Tay phải ngửa lòng bàn tay ngang ngực, co ngón giữa như móc câu, ngón cái ấy cũng hướng về lòng bàn tay co lại, cùng với ngón giữa, ngón trỏ cách nhau **nửa thốn** (1/6dm). Đều bung tán ngón trỏ, ngón vô danh, ngón út ấy rời hơi co lại. Đưa ngón cái qua lại. Tay trái ngửa lòng bàn tay để trên đầu gối trái

Ấn Tam Muội này **phát khiển** tất cả chư Phật, Bồ Tát, Chân Ngôn Minh Thân

Tu **10 Ấn** (3 Ấn ở Quyển 22 và 7 Ấn ở quyển này) này mau được tất cả **Tất Địa** (Siddhi) hiện trước mặt. Tất cả chư Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát thấy đều vui vẻ

Đại Thấp Phế Đa Bồ Tát Ấn:

Hợp cổ tay, mở lòng bàn tay. Tay phải bung tán 5 ngón rồi co lại như cánh hoa sen, khoảng giữa của 5 ngón ấy cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Tay trái đem ngón cái vịn vạch gốc ngón vô danh. Đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út nắm ngón cái làm quyền, duỗi thẳng ngón trỏ rời hơi co lại

Ấn Tam Muội này trợ thành các Pháp

Đại Thấp Phế Đa Bồ Tát Câu Ấn:

Hợp cổ tay, mở lòng bàn tay, co 2 ngón giữa như móc câu, đều đem ngón cái, ngón trỏ, ngón vô danh, ngón út bung tán hết, tách mở chút ít rời hơi co lại... khoảng giữa của 10 ngón tay ấy cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Đầu của 2 ngón cái, 2 ngón giữa, 2 ngón út cách nhau **1 thốn** (1/3dm).

Ấn Tam Muội này hội trong các Pháp, tự tại thành tựu

Đại Thấp Phế Đa Bồ Tát Tùy Tâm Ấn:

Hợp cổ tay, kèm 2 ngón cái đều duỗi bằng nhau. Đều hơi co đầu 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa... đầu ngón cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Đều dựng duỗi thẳng 2 ngón vô danh, hơi co 2 ngón út sao cho đầu ngón cách nhau **nửa thốn** (1/6dm). Khoảng giữa của ngón trỏ, ngón giữa ấy cách nhau **1 thốn** (1/3dm).

Ấn Tam Muội này tùy theo Tâm tu làm tất cả các Pháp đều được thành tựu

Đại Thấp Phế Đa Bồ Tát Căn Bản Tư Duy Ấn:

Ngồi Kiết Già, hướng đầu về vai phải rời hơi cúi đầu nhìn. Co bàn tay phải hướng lên trên, ngửa lòng bàn tay; co đầu ngón trỏ, ngón giữa trụ ở cửa của lỗ tai phải. Bung tách ngón cái, ngón vô danh, ngón út rời hơi co lại. Tay trái ngửa duỗi để trên đầu gối trái, làm **tướng suy nghĩ** (tư duy tướng)

Ấn Tam Muội này đối với tất cả Ấn Tam Muội Gia là cao hơn hết

Đại Thấp Phế Đa Bồ Tát Câu Chư Pháp Tâm Ấn:

Để cạnh tay phải ngay trước trái tim, ngón cái vịn vạch gốc của ngón vô danh. Đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út nắm ngón cái làm quyền, co ngón trỏ như móc câu. Tay trái đem ngón cái vịn vạch gốc của ngón vô danh, 4 ngón nắm ngón cái làm quyền, để trên đầu gối trái

5 Ấn như vậy rất là hiếm có. Nếu người thường kết Ấn sẽ mau được tiêu diệt hết **10 ác, 5 nghịch, tất cả tội chướng**. Thành tựu tất cả Công Đức, Phước Uẩn. Đều được thành biện **Chân Ngôn Minh Ấn Pháp** của Quán Thế Âm Chúng Tộc

Đa La Bồ Tát Căn Bản Ấn:

Hai tay đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều tự làm quyền, mặt quyền hợp nhau. Đầu hơi co 2 ngón trở trụ đầu nhau, kèm duỗi thẳng 2 ngón cái đè trên cạnh 2 ngón giữa

Ấn Tam Muội Gia này trợ thành tất cả Chân Ngôn Đàn ấn Tam Muội Gia của Bất Không Vương

Đa La Bồ Tát Tâm Ấn:

Dựa theo **Căn Bản Ấn**, sửa co 2 ngón trở làm quyền, hơi co 2 ngón út hợp đầu trụ nhau, kèm duỗi 2 ngón cái đè trên cạnh ngón trở, các ngón còn lại dựa theo lúc trước

Ấn Tam Muội này âm thầm trợ trong Pháp **Bất Không La Nhạ** (Amogha-rāja: Bất Không Vương) là bậc nhất

Đa La Bồ Tát Quán Đỉnh Cúng Đường Ấn:

Hợp cổ tay. Dựng thẳng 2 ngón giữa, co lỏng thứ nhất bên trên hợp đầu trụ nhau. Co 2 ngón trở đều đè trên cạnh lỏng giữa của ngón giữa như móc câu. 2 ngón vô danh đều tự làm quyền. Kèm duỗi 2 ngón cái đè trên cạnh 2 ngón vô danh. Dựng duỗi 2 ngón út hợp đầu ngón

Ấn Tam Muội này hay tuôn ra vô lượng mây biển mọi loại vật màu sắc cúng dường, cúng dường tất cả chư Phật, chúng Bồ Tát Ma Ha Tát. Cũng lại dùng Ấn **quán đỉnh, hộ thân**

Đa La Bồ Tát Giáng Ma Ấn:

Tay trái để ngay trái tim nắm cổ tay phải. Tay phải đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út cùng kèm cạnh ngón dựng nghễ định phía trước. Đem ngón trở, ngón cái hướng về lòng bàn tay co gấp như móc câu

Ấn Tam Muội này tòi phục tất cả các Dược Xoa, La Sát, Tỳ Na Dạ Ca ác thầy đều sợ hãi bỏ chạy, không dám chống lại

4 Ấn như vậy trợ hội thành tựu **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**. Thấy đều tiêu diệt tất cả nghiệp chướng, mau đều viên mãn tất cả Hạnh Nguyện

Liên Hoa Tôn Na Lợi Thần Đại Thân Ấn:

Hai tay đưa 10 ngón vào lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, mặt ngón tay cùng móc nhau, hợp lòng bàn tay dính nhau làm quyền. Đem ngón cái phải đè trên lưng ngón cái trái

Ấn Tam Muội này âm thầm hội với **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia** làm tất cả Pháp

Ma Ha Bán Noa La Bà Ti Nê Bồ Tát Ấn:

Dựa theo **Tôn Na Lợi Ấn**, sửa 2 ngón trở dựng thẳng, hơi co đầu ngón trụ nhau. Co gấp 2 ngón cái như móc câu, mở lòng bàn tay **3 thốn** (1dm). Các ngón còn lại dựa theo lúc trước

Ấn Tam Muội này âm thầm trợ cho **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia** tùy làm các Pháp

Nhất Kế La Sát Nữ Thần Ấn:

Dựa theo **Bà Tử Nê Ân**, sửa 2 ngón cái đè trên cạnh 2 ngón giữa, hợp lòng bàn tay dính nhau, các ngón còn lại dựa theo lúc trước

Ân Tam Muội này ở **Bất Không Vương Đàn Hội** này tôi phục tất cả Tỳ Na Dạ Ca, loài gây chướng nạn. Hay trợ cho Tất Địa

Khả Úy Nhân Thân Ân:

Dựa theo **La Sát Ân**. Sửa: mở lòng bàn tay ấy, đem 2 ngón cái vào lòng bàn tay đều vịn trên đầu mặt cạnh ngón út; dựng thẳng 2 ngón trở hợp đầu ngón trụ nhau. 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh dựa theo lúc trước móc nhau sao cho đầu ngón trụ trên cạnh lưng móng 2 ngón cái

Ân Tam Muội này trợ hội với tất cả **Khả Úy Nhân Thân Ân Tam Muội Gia** của **Bất Không Vương Mạn Noa La**

Kế Lợi Chỉ La Thân Ân:

Chấp tay lại. Đem 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út... bên phải đè bên trái, mặt ngón tay cùng móc nhau làm quyền. Kèm đuôi 2 ngón cái đè trên cạnh 2 ngón giữa. Dựng thẳng 2 ngón trở trụ nhau

Ân Tam Muội này hội đồng thành tựu dụng của tất cả **Kế Lợi Chỉ La Thân Ân Tam Muội**

Kim Cương Đỉnh Ân:

Dựa theo **Kế Lợi Chỉ La Thân Ân**, sửa: 2 ngón trở, co lóng trên như móc câu

Ân Tam Muội này hội thông với **Đàn Ân Tam Muội Gia** của Bất Không Vương, **Ân Tam Muội Gia** của tất cả Kim Cương Chủng Tộc

Độ Đễ Sứ Giả Ân:

Dựa theo **Kế Lợi Chỉ La Thân Ân**, sửa: dựng 2 ngón út trụ đầu nhau

Ân Tam Muội này hội thông với **Đàn Ân Pháp** của Bất Không Vương, **Ân Tam Muội Gia** của tất cả **Độ Đễ** (Dhuti)

Đại Phấn Nộ Vương Kết Giới Ân:

Dựa theo **Sứ Giả Ân**. Sửa 2 ngón cái vào lòng bàn tay, cùng cái chéo nhau làm quyền. Dựng thẳng 2 ngón trở hợp đầu ngón

Ân Tam Muội này kết Thập Phương Giới, cấm ước tất cả Tỳ Na Dạ Ca

Đại Phấn Nộ Vương Thịnh Triệu Ân:

Dựa theo **Kết Giới Ân**, sửa dựng 2 ngón giữa trụ đầu nhau. Đem 2 đầu ngón trở vịn lóng trên ở lưng 2 ngón giữa. 2 ngón cái đè trên cạnh 2 ngón vô danh. Luôn luôn đưa 2 ngón trở qua lại

Ân Tam Muội này **triệu thỉnh, phát khiển** tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cương, Chân Ngôn Minh Thân

Đại Phấn Nộ Vương Cúng Đường Ân:

Dựa theo **Triệu Thịnh Ân**, sửa 2 ngón trở đều đè trên cạnh lóng giữa của 2 ngón giữa

Ân Tam Muội này gia trì vào tất cả vật cúng đường, bày trí bên trong Đàn rồi cúng đường

Đại Phần Nộ Vương Quán Đỉnh Dược Ấn:

Chấp tay lại. Kèm dựng 2 ngón út, 2 ngón vô danh rồi hơi co đầu ngón trụ nhau. Dựng thẳng 2 ngón giữa, 2 ngón trở rồi hơi co đầu ngón, cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Kèm 2 ngón cái vào lòng bàn tay rồi co lại như móc câu

Ấn Tam Muội này an trí trên đỉnh đầu, sai người rưới rót nước hương trên Ấn: quán đỉnh, tẩm thân

Đại Phần Nộ Vương Thoát Y Ấn:

Dựa theo **Quán Đỉnh Ấn**, sửa co 2 ngón trở như móc câu

Ấn Tam Muội này: khi **mặc áo, cởi áo** thời gia trì vào quần áo rồi khoác mặc, cởi ra

Đại Phần Nộ Vương Ưc Niệm Chân Ngôn Thần Ấn:

Chấp tay lại. Đem 2 ngón út đều vịn trên móng 2 ngón cái. Dựng thẳng 2 ngón vô danh rồi hơi co đầu ngón trụ nhau. Dựng thẳng 2 ngón giữa rồi hơi co đầu ngón, cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Đều co 2 ngón trở như móc câu

Ấn Tam Muội này nghĩ nhớ tất cả Bồ Tát, Chân Ngôn Minh Thần âm thầm hộ giúp chẳng buông bỏ

Đại Phần Nộ Vương Tịnh Thủy Ấn:

Tay phải đem ngón cái cùng với ngón út trụ đầu nhau, kèm duỗi thẳng ngón giữa, ngón vô danh; co ngón trở như móc câu

Ấn Tam Muội này: lấy nước chắm trên **mắt, mũi, cổ họng, miệng, tai, trán** tịnh nghiệp của **thân, miệng**

Đại Phần Nộ Vương Hương Hoa Ấn:

Tay phải: đem ngón trở cùng với ngón cái vịn đầu nhau, duỗi thẳng ngón giữa rồi hơi co lại; kèm dựng thẳng ngón vô danh, ngón út

Ấn Tam Muội này gia trì vào hương hoa rồi mới đem cúng dường

Đại Phần Nộ Vương Đăng Ấn:

Dựa theo **Hương Hoa ấn**, sửa ngón giữa duỗi thẳng

Ấn Tam Muội này gia trì trên đèn, trên thức ăn Hộ Ma

Đại Phần Nộ Vương Đại Luân Ấn:

Tay phải đều dựng ngón cái, ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út rồi tách mở. Đem ngón cái, ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út của tay trái cài chéo vào khoảng giữa của ngón trở, ngón giữa, ngón vô danh, ngón út của tay phải rồi nắm chặt trên lưng ngón tay của tay phải. Ngón cái trái ấy đè lóng thứ nhất ở lưng của ngón cái phải

Ấn Tam Muội này xoay theo bên phải, nhiều quanh thân 3 vòng: trên đầu, dưới thân đều vút ném 3 lần. Liên hiện mọi loại tướng **Đại Thần Biến Tam Muội Gia** của Đại Phần Nộ Vương Quán Thế Âm

Đại Phần Nộ Vương Tội Phục Tỳ Na Dạ Ca Ấn:

Hai tay đều đem 4 ngón tay nắm đầu lóng trên của ngón cái làm quyền, hai mặt quyền hợp dính chặt nhau

Ấn Tam Muội này tội phục tất cả Tỳ Na Dạ Ca chẳng gây nỗi hại được

Đại Phấn Nộ Vương Phục Chư Quỷ Thần Ấn:

Dựa theo **Phục Tỳ Na Dạ Ca Ấn**, mặt quyền dính nhau, sửa 2 ngón cái kèm duỗi đê trên cạnh lóng giữa của 2 ngón trỏ

Ấn Tam Muội này tôi phục tất cả Dược Xoa, La Sát, các hàng Thần Quỷ chẳng gây nhiều hại được

Chấp Kim Cương Bồ Tát Thân Ấn:

Dựa theo **Phục Chư Thần Ấn**, sửa 2 ngón trỏ dựng thẳng rồi hơi co đầu ngón cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Kèm duỗi 2 ngón cái đê trên lóng giữa bên cạnh của 2 ngón giữa

Ấn Tam Muội này âm thầm trợ cho **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**

Chấp Kim Cương Bồ Tát Tâm Ấn:

Dựa theo **Kim Cương Thân Ấn** lúc trước, mặt quyền dính nhau, sửa ngón trỏ trái duỗi dựng, co gấp ngón trỏ phải như móc câu

Ấn Tam Muội này âm thầm trợ cho **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**, tùy làm các Pháp

Tam Giới Thiên Ấn:

Chấp tay lại. Đều bung tách mở 10 ngón tay rồi co đầu ngón trụ nhau, khoảng giữa của 10 ngón tay ấy cách nhau **nửa thốn** (1/6dm)

Ấn Tam Muội này là **Ấn Tam Muội Gia** của Đại Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên, Đại Phạm Thiên hay hội với tất cả Thiên Chúng trong 3 cõi, trụ trong **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**

Diệm Ma Vương Ấn:

Dựa theo **Tam Giới Thiên Ấn**, sửa co ngón trỏ, ngón cái của tay phải đều co như móc câu. Tay trái đều hơi co ngón trỏ, ngón cái

Ấn Tam Muội này âm thầm hội với **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**

Thủy Thiên Ấn:

Dựa theo **Diệm Ma Vương Ấn**, sửa co ngón trỏ, ngón cái của tay trái như móc câu, đừng đê cho đầu ngón trỏ, ngón cái của tay phải dính nhau

Ấn Tam Muội này tên là **Nhất Thiết Long Vương Tâm Ấn** âm thầm hội với **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**

Câu Ma La Thiên Ấn:

Dựa theo **Thủy Thiên Ấn**, sửa 2 ngón trỏ co lại đê lóng trên bên cạnh của 2 ngón giữa

Ấn Tam Muội này âm thầm hội với **Bất Không Vương Đàn Ấn Tam Muội Gia**

Tam Thế Nhất Thiết Như Lai Ấn:

Hợp cổ tay. Tay phải: dựng mở 5 ngón tay rồi hơi co lại, khoảng giữa của 5 ngón tay cách nhau **1 thốn** (1/3dm). Tay trái: đem ngón cái cùng với ngón út trụ đầu nhau; kèm dựng thẳng ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh

Ấn Tam Muội này: kết ở trong Đàn liên được Thần Thông của tất cả Như Lai an ủi

Đại Phần Nộ Vương Cúng Đường Ấn:

Nghiêng, chấp tay lại. Dựng thẳng 2 ngón vô danh, 2 ngón út hợp đầu ngón. Co 2 ngón giữa nay lỏng trên bên cạnh của 2 ngón vô danh, đầu ngón cách nhau **nửa thốn** (1/6dm). Co 2 ngón trở như móc câu cách cạnh 2 ngón giữa **1 thốn** (1/3dm). 2 ngón cái đều phụ 2 ngón trở hơi giống như co lại

Ấn Tam Muội Mạn Noa La Hội này, cú thỉnh tất cả Như Lai đang cúng đường

Đại Phần Nộ Vương Định Đàn Môn Ấn:

Hợp cổ tay, mở lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 ngón cái, 2 ngón út rồi hơi co lại hợp đầu ngón. Đầu co 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh như móc câu, đầu ngón cách nhau **4 phân** (4/3cm). Dựng duỗi 2 ngón trở rồi hơi co lại, đầu ngón cách nhau **4 phân** (4/3cm). Khoảng giữa của 8 ngón tay cách nhau **nửa thốn** (1/6dm)

Ấn Tam Muội này gia trì tất cả **Mạn Noa La Môn**

53 Ấn này nơi **Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia** của **Bất Không Đại Phần Nộ Vương Quán Thế Âm Chúng Tộc** có sức mạnh hay thành tựu **Tất Địa Tam Muội Gia** (Siddhi-samaya). Các Ấn như vậy: tất cả điều dùng đều được thành tựu

Các Ấn như vậy mới là sức Đại Thành Thông gia bị của tất cả chư Phật 3 đời nói bày. Nếu nơi có tu hành Ấn như vậy thì nơi địa phương ấy tức là **Xá Lợi Chế Đê** (tháp Xá Lợi) của chư Phật, cũng là đất Kim Cương bền chắc

Nếu lại có người thường tu tập các Ấn này thì nên biết người này tức sẽ được **Bất Thoái Chuyển Địa**

ĐẠI PHẦN NỘ VƯƠNG TỰ LUÂN ĐÀN CHÂN NGÔN TAM MUỘI GIA _PHẨM THỨ BỐN MƯƠI CHÍN_

Bạch Đức Thế Tôn! Bất Không Đại Phần Nộ Vương Mạn Noa La Chân Ngôn Tự Ấn Tam Muội Gia này hay thành tất cả Pháp **Tất Địa**, hay trừ tội chướng hắc ám, hay ngăn che tất cả nghiệp của 3 đường ác

Nếu có người hay y theo Pháp Môn **Kim Cương Trí Ẩn Bí Mật** của tất cả Như Lai, tu Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia này, ắt khiến cho sẽ được A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề, viên mãn mọi loại Hạnh Nghiệp **Bồ Đề** của tất cả chư Phật

Vuông tròn 5 khuỷu tay, sửa trị xoa bôi đất sạch sẽ, khuôn mẫu, tường thành, giới hạn, Viên, mở rộng 4 cửa

Nội Viện: đất màu xanh, trên tâm vẽ hoa sen nở rộ ngàn cánh, trên Đài để 2 tay hợp cổ tay dính nhau, ngửa mở **ngón tay, lòng bàn tay**

Ở giữa vẽ **Quyển Sách Ấn**, 2 bên trái phải cuốn khoang tròn, 2 đầu sợi dây ấy làm dạng đầu Rồng, có lửa sáng nhiều quanh bên trên

Trên cánh sen ấy theo thứ tự nên vẽ **58 Khí Trọng Ấn Chân Ngôn** có lửa sáng nhiều quanh chữ

4 mặt, 4 góc để hoa sen nở rộ

Trên đài ở 4 mặt vẽ **Kim Cương Hoa Man Xử Ấn, Bảo Liên Hoa Man Ấn** có lửa rực nhiều quanh bên trên

Trên đài ở 4 góc vẽ **Kim Cương Ma Ni Châu Ấn** có lửa rực nhiều quanh bên trên

Viện tiếp theo: vẽ nước biển lớn tràn khắp

4 mặt vẽ hoa sen, trên mỗi một Đài theo thứ tự nên vẽ **58 Thủ Ấn Chân Ngôn** có lửa sáng nhiều quanh chữ

Trên Đài ở 4 cửa vẽ **Kim Cương Ma Ni Châu Ân** có lửa rực nhiều quanh bên trên

Trên Đài ở 4 góc vẽ **Thập Tự Kim Cương Xử Ân** có lửa rực nhiều quanh bên trên

Viện tiếp theo: đất màu xanh.

4 mặt: trên tòa Liên Hoa Tu Di vẽ **bảo Tràng Phan Cái Ân, Chủng Chủng Bảo Hoa Quả Thụ Ân**

4 cửa, 4 góc: trên tòa để cái bình báu Như Ý, miệng ló ra cọng, lá hoa sen

4 cửa vẽ nước biển

Bên trong: giới hạn của 2 Viện là **Kim Cương Tiêu Giới** (giới hạn nêu dấu hiệu của Kim Cương)

Bên ngoài: giới hạn bằng đất báu, bên trên vẽ ngọc báu Ma Ni mọi loại màu sắc, có lửa sáng nhiều quanh bên trên.

Mọi loại phan, hoa, nước hương Át Già, đèn bơ, đèn dầu, tất cả thức ăn uống... trưng bày làm cúng dường

Thieu đốt các hương nổi tiếng. Dùng các hoa tạp, hoa lúa đậu, hạt cải trắng, mọi loại hương bột... rải bày trên Đàn để làm cúng dường

Người trì Chân Ngôn: thân tinh khiết, trang phục sạch sẽ, y theo Pháp sửa trị, khiến các **Cận Sĩ** (người gần gũi phụ giúp) cung kính, lễ bái, trao cho Pháp Quán Đỉnh

Người vào Đàn này sẽ nhập vào **Đàn Ân Tam Muội Gia** của các **Phật Chủng Tộc** (Buddha-kula), được diệt tất cả cấu lụy tội chướng trong ức kiếp quá khứ. Mau sẽ thành tựu tất cả Nguyên Hạnh

Hoa Man Chân Ngôn:

“**Án (1) bát đầu-ma (2) ma lệ (3)**”

*)OM_ PADMA-MĀLE

Hoa Tý Chân Ngôn:

“**Án (1) bát đầu-ma (2) bộ nê (3)**”

*)OM_ PADMA-BHUJE

Kim Cương Man Chân Ngôn:

“**Án (1) bạt nhật la (2) ma lệ (3)**”

*)OM_ VAJRA-MĀLE

Tam Kích Man Chân Ngôn:

“**Án (1) thất-lý, du la (2) ma lệ (3)**”

*)OM_ TRI-SŪLA-MĀLE

Ma Ni Hoa Chân Ngôn:

“**Án (1) ma nê (2) bát-đầu mẽ (3)**”

*)OM_ MAṆI-PADME

Kim Cương Liên Hoa Chân Ngôn:

“**Án (1) bạt nhật la (2) bát-đầu mẽ (3)**”

*)OM_ VAJRA-PADME

Quán Hoa Quan Chân Ngôn:
“Án (1) nhĩ lộ ca (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ VILOKA-PADME

Phổ Biến Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) sai mạn đa (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ SAMANTA-PADME

Tôi Thắng Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) bà-la phộc la (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ PRAVARA-PADME

Đại Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) nhĩ bồ la (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ VIPULA-PADME

Long Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) na nga (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ NĀGA-PADME

Vô Biên Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y than đa (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ ANANTA-PADME

Tinh Tiến Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) nhĩ lý dã (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ VĪRYA-PADME

Liên Hoa Giáp Chân Ngôn:
“Án (1) ca phộc giả (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ KAVACA-PADME

Tán Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) tổ lỗ tổ lỗ (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ SURU SURU PADME

Thắng Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) nhạ dã (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ JAYA-PADME

Vô Thắng Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) nhĩ nhạ dã (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ VIJAYA-PADME

Vô Đẳng Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y nhĩ đả (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ AJITA-PADME

Vô Tha Thắng Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y bá la nhĩ đả (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ APARĀJITA-PADME

Liên Hoa Đàn Chân Ngôn:
“Án (1) mạn nỏa la (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ MAṄḌALA-PADME

Kiểm Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) khát nga (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ KHADGA-PADME

Hoa Chùy Chân Ngôn:
“Án (1) một nga la (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ MUDGARA-PADME

Tam Kích Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) trất lợi du la (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ TRI-SŪLA-PADME

Hoa Sách Chân Ngôn:
“Án (1) bá xả, tặc phổ như (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ PĀŚA SPHOṬA-PADME

Hoa Luân Chân Ngôn:
“Án (1) chức yết-la (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ CAKRA-PADME

Hoa Loa Chân Ngôn:
“Án (1) thương khư, bộ đà na (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ ŚAṄKHA BHŪTADAYĀ-PADME

數珠真言

số châu chân ngôn

Số Châu Chân Ngôn:
“Án (1) a khát sa (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ AKṢA-PADME

Cảnh Giác Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) bá-la bộ đà na (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ PRA-BHŪTADAYĀ PADME

Hợp Chương Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) án dạ lý (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ AÑJALI- PADME

_ Kỳ Khắc Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) đát nhạ dạ (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ TARJAṆĪ- PADME

_ Kim Quang Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) bạt nhật la, nhập phộc (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ VAJRA-JVALA- PADME

_ An Úy Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y thấp phộc sai (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ ASVĀSA- PADME

_ Dữ Nguyệt Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) phộc la na (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ VARADA- PADME

_ Thảng Úy Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y thấp phộc sai, một đà la (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ ASVĀSA-MUDRĀ PADME

_ Nguyệt Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) chiến nại la (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ CANDRA- PADME

_ Nhật Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) tổ lý dã (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ SŪRYA- PADME

_ Việt Phủ Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) bả-la thủ (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ PARĀSU- PADME

_ Hoa Bang Chân Ngôn:
“Án (1) nga na (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ GADĀ- PADME

_ Quân Tra Lợi Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) quân noa lý (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ KUṆḌALI- PADME

_ Hoa Trượng Chân Ngôn:
“Án (1) than noa (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ DANḌA- PADME

_ Tâm Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) hột-lợi na dã (2) bát-đầu mễ (3)”
*)OM_ HRDAYA- PADME

Thọ Pháp Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) sai ma dã (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ SAMAYA- PADME

Thắng Đàn Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) mạn noa la, bạt la phộc la (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ MAṆḌALA PRAVARA- PADME

Thỉnh Triệu Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) nễ mạn đát la noa (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ NI-MANTRANA- PADME

Khải Pháp Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y gia giả na (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ ĀYĀCANA- PADME

Thị Hiện Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) na la xả na (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ DARŚANA- PADME

Gia Trì Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y địa sất tha (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ ADHIṢṬHA- PADME

Đầu Quan Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) ma củ như (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ MAKUṬA- PADME

Quán Đỉnh Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) y tỳ sái già (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ ABHIṢEKA- PADME

Sân Diện Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) nhĩ khát lý đả (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ VIKṚTA- PADME

Sân Nộ Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) củ lỗ đà (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ KRODHA- PADME

Phấn Nộ Vương Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) củ lỗ đà, la nhạ (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ KRODHA-RĀJA- PADME

Nhiếp Nộ Hoa Chân Ngôn:
“Án (1) củ lỗ đà, ca la sa noa (2) bát-đầu mẽ (3)”
*)OM_ KRODHA-KARA-SĀDA- PADME

Minh Vương Hoa Chân Ngôn:

“Án (1) bát đình-dạ, la nhạ (2) bát-đầu mẽ (3)”

*)OM_ VIDYĀ-RĀJA- PADME

Đa La Hoa Chân Ngôn:

“Án (1) đả la (2) bát-đầu mẽ (3)”

*)OM_ TĀRĀ- PADME

Bạch Y Quán Thế Âm Hoa Chân Ngôn:

“Án (1) thấp phế đa (2) bát-đầu mẽ (3)”

*)OM_ ŚVETA- PADME

Bạch Y Quán Âm Mẫu Hoa Chân Ngôn:

“Án (1) bán noa la (2) bát-đầu mẽ (3)”

*)OM_ PĀṆḌARA- PADME

La Sát Hoa Chân Ngôn:

“Án (1) ế ca nhạ như (2) bát-đầu mẽ (3)”

*)OM_ EKA-JAṬI- PADME

**Bạch Đức Thế Tôn! 58 Khí Trọng Án Chân Ngôn của Bất Không Đại Phần
Nộ Vương Tam Muội Gia** như vậy, viết vẽ **Mạn Noa La Tâm**, tức đều thông hội với
viết vẽ **Man Noa La Án Tam Muội Gia** của Quán Thế Âm Chung Tộc. Dùng nhóm
Chân Ngôn này, nếu có người hay thọ trì, đọc tụng, lắng nghe... thì Công Đức đạt
được đều chẳng hư vọng. Lại mau được thành mọi loại **Thắng Nguyện** của tất cả **Như
Lai Chấp Kim Cương Tính**

“Án (1) y mộ già, nhĩ ma lê (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-VIMALE HŪM

“Án (1) y mộ già, tắc phổ thế (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-SPHOTE HŪM

“Án (1) y mộ già, sai ma duệ (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-SAMAYE HŪM

“Án (1) y mộ già, mạn noa lê (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-MANḌALE HŪM

“Án (1) y mộ già, bố nhạ mẽ kì (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-PŪJA-MEGHE HŪM

“Án (1) y mộ già, ca phộc chế (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-KAVACE HŪM

“Án (1) y mộ già, bá thế (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-PĀSE HŪM

“Án (1) y mộ già, tất địa (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-SIDDHI HŪṀ

“Án (1) y mộ già, tán na lệ, xả nễ (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-CANDRE-ŚĀṆE HŪṀ

“Án (1) y mộ già, nhập phộc lê (2) hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-JVALE HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, chỉ lợi chỉ lợi (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA CILI CILI HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, nhĩ lợi nhĩ lợi (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA VIRI VIRI HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, chỉ lý chỉ lý (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA KILI KILI HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, nhập phộc lệ, phỏ lỗ phỏ lỗ (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA JVALE BHURU BHURU HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, tất đễ (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA SIDDHI HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, sai ma duệ (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA SAMAYE HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, tị lý tị lý (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHA BHIRI BHIRI HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà, xả nễ (2) hồng (3)”

*)OM_ KRODHĀŚANI HŪṀ

“Án (1) củ lỗ đà (2) chỉ trí chỉ trí (3) hồng, toa phộc ha (4)”

*)OM_ KRODHA KIṬI KIṬI HŪṀ_ SVĀHĀ

“Án (1) củ lỗ đà (2) bả-la bộ (3) toa phộc ha (4)”

*)OM_ KRODHA_ PRABHŪḤI HŪṀ

“Án (1) bát đầu-ma (2) đả lệ, hồng (3)”

*)OM_ PADMA-TĀRE HŪṀ

“Án (1) nhĩ bỏ la (2) đả lệ, hồng (3)”

*)OM_ VIPULA-TĀRE HŪṀ

“Án (1) bả-la phộc la (2) đả lệ, hồng (3)”

*)OM_ PRAVARA-TĀRE HŪṀ

“Án (1) y mộ già (2) đả lệ, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-TĀRE HŪṀ

“Án (1) sai ma dã (2) đã lê, hồng (3)”

*)OM_ SAMAYA-TĀRE HŪM

“Án (1) thấp phé đã (2) phộc la đễ, hồng (3)”

*)OM_ ŚVETA-VARATĪ HŪM

“Án (1) thấp phé đã (2) bộ nê, hồng (3)”

*)OM_ ŚVETA-PUNYE HŪM

“Án (1) thấp phé đã (2) phộc nại đễ, hồng (3)”

*)OM_ ŚVETA-VARADĪ HŪM

“Án (1) thấp phé đương nghê (2) hồng (3)”

*)OM_ ŚVETĀMGE HŪM

“Án (1) thấp phé đã (2) bặt nhật lệ nê, hồng (3)”

*)OM_ ŚVETA-VAJRINI HŪM

“Án (1) ninh-cát lý trí (2) hồng (3)”

*)OM_ DRDHĪ HŪM

“Án (1) nhập phộc la (2) nhập phộc la, hồng (3)”

*)OM_ JVALA JVALA HŪM

“Án (1) nhĩ cật-ly đê (2) hồng (3)”

*)OM_ VIKRTE HŪM

“Án (1) nhĩ thấp phộc (2) mỗ khí, hồng (3)”

*)OM_ VIŚVA-MUKHĪ HŪM

“Án (1) lạo ninh-cát lý nê (2) hồng (3)”

*)OM_ RAUDRIṆĪ HŪM

(4) “Án (1) đặng sát tra la, ca la lý (2) lỗ địa la, tất lệ duệ (3)mỗ lỗ mỗ lỗ, hồng

*)OM_ DAMṢṬRA KARĀLE- RUDHIRA ŚRĪYE _ MURU MURU HŪM

“Án (1) y phộc lộ chỉ nễ (2) nhạ duệ, hồng (3)”

*)OM_ AVALOKINE JAYE HŪM

“Án (1) chước cật lý nê (2) hồng (3)”

*)OM_ CAKRIN HŪM

“Án (1) bặt nhật la (2) đà lý, hồng (3)”

*)OM_ VAJRA-DHĀRI HŪM

“Án (1) lam mộ na lý (2) hồng (3)”

*)OM_ RAMODARE HŪM

“Án (1) bạt nhật la (2) mục khí, hồng (3)”

*)OM_ VAJRA-MUKHĪ HŪṀ

“Án (1) trất lý thủy khế (2)hồng (3)”

*)OM_ TRI-ŚEKHĪ HŪṀ

“Án (1) phộc la dã nê (2) ma tha nễ, hồng (3)”

*)OM_ VARA-YĀNE MATHANE HŪṀ

“Án (1) phộc tắc đát la (2) bộ nê, hồng (3)”

*)OM_ VAKTRA PUṆYE HŪṀ

“Án (1) thương ca lý (2) hồng (3)”

*)OM_ ŚAṀKARĪ HŪṀ

“Án (1) y tị sái kế (2) hồng (3)”

*)OM_ ABHIŚEKAI HŪṀ

“Án (1) nhập phộc la (2) na hổ đễ, hồng (3)”

*)OM_ JVALANA-HUTE HŪṀ

“Án (1) sai mạn đả (2) mãn noa lệ, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA-MANḌALE HŪṀ

“Án (1) sai mạn đa (2) nễ nê, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA-DĪDI HŪṀ

“Án (1) lạc khát sa nê (2) hồng (3)”

*)OM_ LAKṢAṆE HŪṀ

“Án (1) sai mạn đả, độ đễ (2) sai la sai la, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA-DHŪTI_ SARA SARA HŪṀ

“Án (1) bạt nhật la, ninh-cát lý trà (2) sai ma duệ, hồng (3)”

*)OM_ VAJRA-DRḌHA-SAMAYE HŪṀ

“Án (1) trất lệ lộ chỉ dã (2) ma ha nhĩ ma lệ, hồng (3)”

*)OM_ TRAILOKYA-MAHĀ-VIMALE HŪṀ

“Án (1) dã ma nan nãi (2) hồng (3)”

*)OM_ YAMA-DANḌE HŪṀ

“Án (1) phộc lỗ noa (2) vạt đễ, hồng (3)”

*)OM_ VARUṆA-VATI HŪṀ

“Án (1) chỉ trí chỉ trí (2) hồng (3)”

*)OM_ KIṬI KIṬI HŪṀ

“Án (1) nễ lý trí (2) hồng (3)”

*)OM_ NRTI HŪM

“Án (1) tế hoại, mục khế (2) củ ma la nhạ duệ, hồng (3)”

*)OM_ SENYA KUMĀRA JAYE HŪM

_Bạch Đức Thế Tôn! **58 Thủ Án Chân Ngôn** của **Bất Không Đại Phấn Nộ Vương Tam Muội Gia** như vậy, viết về Mạn Noa La sẽ có Đại Uy Đức, có sức Đại Thông, Thần Biến vô lượng.

Nếu người hay mỗi một tùy theo các Án, tụng Chân Ngôn này tức khiến trong Đàn vẽ Thủ Án. Nơi Thủ Án đã kết đều hiện mọi loại Thần Biến thông dụng, hào quang sáng rực, hay lay động núi Tu Di Lô, biển lớn phun trào. Tất cả Trời, Rồng, Dược Xoa, La Sát, các Thần Quỷ ác đều sợ hãi chạy trốn hết. Tất cả Tỳ Na Dạ Ca ẩn mất nơi đất. Tất cả tội chướng đều tiêu trừ hết. Tất cả **Lý Thú Thắng Tạng** của Bồ Đề, **Tính Cháp Kim Cương** tự nhiên viên mãn

Hết thấy tất cả **Mạn Noa La Án Tam Muội Gia** bí mật chân thật đều y theo Chân Ngôn như vậy của nhóm này liền được thành tựu

ĐẠI PHẤN NỘ VƯƠNG CHÂN NGÔN HỘ TRÌ
PHẨM THỨ NĂM MƯỜI

_Tẩy Dục Chân Ngôn:

“Án (1) nhĩ ma la (2) thuật đễ, hồng (3)”

*)OM_ VIMALA ŚUDDHE HŪM

_Tịnh Thân Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa (2) bá lý cật sa ca (3) ngô hứ dã, đà lệ (4) giả la giả la, hồng (5)”

*)OM_ SAMANTA PARĪKṢAKA GUHYA-DHĀRE_ CALA CALA HŪM”

_Tịnh Tô Nhũ Lạc Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già (2) bá xả, thuật đễ, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-PĀŚA ŚUDDHE HŪM

_Kết Lạc Bạc Sách Chân Ngôn:

“Án (1) than noa bá than na (2) tổ tán nại, đả mãn đễ, hồng (3)”

*)OM_ ŚANḌA PĀṢANḌA SU-DANḌA TAMĀMTĪ HŪM

_Kết Phát Kế Chân Ngôn:

“Án (1) ma nê, nhập phộc la (2) thủy khế, hồng (3)”

*)OM_ MAṆI-JVALA ŚIKHE HŪM

_Tẩy Thủ Diện Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa, bá lý (2) thuật đễ, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA PARISUDDHE HŪM

Tịnh Trì Thủy Chân Ngôn:

“Án (1) y nhĩ lật đa (2) nhạ lệ, hồng (3)”

*)OM_ AMṚTA-JALE HŪM

Tịnh Y Trước Y Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa, xả đà nĩ (2) đở lỗ đở lỗ, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA-SĀDHANE_ DHURU DHURU HŪM

Hộ Thân Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa, lạc cật sa (2) nhĩ lý nhĩ lý, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA RAKṢA_ MILI MILI HŪM

Kết Ngoại Giới Chân Ngôn:

“Án (1) tổ lỗ tổ lỗ, hồng (2)”

*)OM_ SURU SURU HŪM

Kết Nội Giới Chân Ngôn:

“Án (1) ma ha mạn noa lệ, hồng (2)”

*)OM_ MAHĀ-MANḌALE HŪM

Cúng Dường Hoa Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, bổ sáp ba (2) bả la phộc lệ, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-PUṢPA PRAVARA HŪM

Cúng Dường Hương Chân Ngôn:

“Án (1) tắc phỏ như, kiện đễ (2) tắc phỏ la, hồng (3)”

*)OM_ SPHOṬA-GANDHE SPHURA HŪM

Đồ Hương Chân Ngôn:

“Án (1) ninh-cát ma la (2) thuật đễ, hồng (3)”

*)OM_ NIRMALA ŚUDDHE HŪM

Thiên Hương Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa, phộc bà sa (2) bát đầu-mễ, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTĀVABHĀṢA-PADME HŪM

Lễ Bái Chân Ngôn:

“Án (1) trất lệ duệ địa (2) ma ha mộ già (3) bả-la noa ma, hồng (4)”

*)OM_ TRI-YADHVA MAHĀ-AMOGHA PRAṆĀMA HŪM

Hành Đạo Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa (2) bá lý ca lệ, hồng (3)”

*)OM_ SAMANTA-PARIKARE HŪM

Hợp Chưởng Cúng Dường Chân Ngôn:

“Án (1) tát phộc đả tha nga đá (2) bặt nhật la nhạ lý (3) sai ma duệ, hồng (4)”

*)OM_ SARVA-TATHĀGATA VAJRĀMĀLI SAMAYE HŪM

Mỗi Thời Nhập Đàn Chân Ngôn:

“Án (1) tát phộc đả tha nga đá (2) mộ già mạn noa la (3) bả-la bễ xả dã, hồng (4)”

*)OM_ SARVA-TATHĀGATA AMOGHA-MANḌALA PRA-VEŚAYA HŪM

Thụ Giáo Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, sai ma gia (2) nhĩ bồ la (3) bát đầu-mễ, hồng (4)”

*)OM_ AMOGHA-SAMAYA VIPULA-PADME HŪM

Gia Trì Đệ Tử Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, đố sử gia (2) thấp phộc sai dã, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-TUṢYA ŚVĀSAYA HŪM

Sở Châu Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, bát đầu nhĩ nễ (2) bả-la vạt đả dã, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-PADMINI PRAVARTTĀYA HŪM

Tích Trọng Táo Quán Chân Ngôn:

“Án (1) na già, bộ phộc nễ (2) bát-la sa la (3) nhĩ lật đế, hồng (4)”

*)OM_ NĀGA-BHUVANE PRASARA AMṚTE HŪM

Kết Bác Anh Lạc Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, bá nhĩ (2) đát-la mục khế, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA-PAVI TRA-MUKHE HŪM

Kết Sách Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, khát-liên địa (2) ma lý kê, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHĀKRĀNTI MĀLIKE HŪM

Nhất Thiết Khí Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, sai một nại la (2) sai lệ, hồng (3)”

*)OM_ AMOGHA SA-MUDRĀ SĀRE HŪM

An Tọa Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, bạt nhật la (2) bát đầu mang sai na (3) ma địa sắt như bả dã, hồng (4)”

*)OM_ AMOGHA-VAJRA-PADMĀSANAM ADHIṢṬHĀBHAYA HŪM

Quán Đỉnh Chân Ngôn:

“Án (1) chán đà ma nê (2) y mộ già, tỳ sái ca (3) tỳ sẩn giả, hồng (4)”

*)OM_ CINTĀMAṆI AMOGHA ABHIṢEKA ABHISIMCA HŪM

Thiết Hóa Thục Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, nhập phộc lệ (2) ninh-cát già đá dã (3) tát phộc nhĩ khát na thiết đồ (4) chỉ lý chỉ lý, hồng (5)”

*)OM_ AMOGHA NIRGHĀTAYA SARVA-VIGHNA-ĀŚITO _ KILI KILI HŪM

Thí Quỷ Thần Thực Chân Ngôn:

“Án (1) bả-la bộ đa (2) nhĩ ma lê (3) tham bà phộc, hồng (4)”

***)OM_PRA-BHŪTA VIMALE SAMBHAVA HŪM**

Át Già Bình Chân Ngôn:

“Án (1) bát đầu-ma, ca la nê (2) y mộ già, vạt đế, hồng (3)”

***)OM_PADMA-KALANE AMOGHA-VATI HŪM**

Hiển Hương Thủy Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, ninh-lập danh-dã (2) kiện đà bả-la sa lê, hồng (3)”

***)OM_AMOGHA-NITYA GANDHA PRASĀRE HŪM**

Thủy Bồn Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa (2) bố la dã, hồng (3)”

***)OM_SAMANTA PŪRAYA HŪM**

Hiển Âm Thực Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, sai mạn đá (2) tham bà phộc, hồng (3)”

***)OM_AMOGHA-SAMANTA SAMBHAVA HŪM**

Triệu Thỉnh Chân Ngôn:

“Án (1) sai mạn đa, bộ phộc nê (2) y mộ già (3) ca lợi sa noa, hồng (4)”

***)OM_SAMANTA-BHUVANE AMOGHA ĀKARṢAṆA HŪM**

Khuyến Thỉnh Chư Phật Bồ Tát Chân Ngôn:

**“Án (1) tát phộc đả tha nga đá (2) bồ địa tát đỏa, bả lý thuật đà (3) tắc phộc
bà bà đỏa ma (4) thuật đễ, tam bố la dã, hồng (5)”**

***)OM_SARVA-TATHĀGATA BODHISATVA PARISUDDHE SVABHĀVA
ĀTMA ŚUDDHE SAMPŪRAYA HŪM**

Thỉnh Gia Trì Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, tán đế (2) sắt như đồ, hồng (3)”

***)OM_AMOGHA-SAM-TIṢṬHITO HŪM**

Tịnh Hỏa Chân Ngôn:

**“Án (1) y mộ già, bả-la phộc lệ (2) tán nhập phộc la, bộ phộc nê (3) sai la,
hồng (4)”**

***)OM_AMOGHA-PRAVARE SAM-JVALA BHUVANE SĀRA HŪM**

Đăng Chân Ngôn:

“Án (1) y mộ già, ma nê (2) nhập phộc la, nhập phộc la, hồng (3)”

***)OM_AMOGHA-MANĪ JVALA JVALA HŪM**

Tam Thời Chân Ngôn:

**“Án (1) trất lý nhĩ cật-la ma (2) y mộ giả tán đình-dạ (3) bá ninh-dã, hồng
(4)”**

***)OM_TRI-VIKRAMA AMOGHA SIDDHYA-PĀṆYA HŪM**

Giáng Sứ Giả Chân Ngôn:

“**Án (1) y mộ già, nhĩ lý củ trung (2) bật khoáng sai dã (3) độ lỗ độ lỗ, hồng, phát (4)**”

*)OM_ AMOGHA-BHRKUTĪM VIDHVAMŚAYA_ TURU TURU HŪM PHAT

Giáng Chư Quỷ Thần Chân Ngôn:

“**Án (1) y mộ già (2) ca lý sa dã, hồng (3)**”

*)OM_ AMOGHA-ĀKARŚAYA HŪM

Phát Khiển Chân Ngôn:

“**Án (1) y mộ già, tam bố la nê (2) bả-la sai la nghiệt xả (3) tác phộc bà phộc nam (4) y nhĩ lật đa (5) bố lệ, hồng (6)**”

*)OM_ AMOGHA-SAM-PŪRNE PRASĀRA AGACCHA SVABHĀVĀNĀM PŪRE HŪM

Bạch Đức Thế Tôn! Chân Ngôn Tam Muội Gia như vậy ở trong tất cả Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia của Quán Thế Âm tùy theo các vật loại: **3 biến, 5 biến** gia trì làm Pháp, liền mau chóng thành tựu không có các chướng ngại

Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như Lai nghe nói, đọc tụng, thành tựu chân thật **tất cả Bất Không Như Lai Bí Mật Chứng Tộc** hội thông với tất cả Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia, **Pháp Tính** bí mật, Tính không có hý luận, **Pháp Đại Lạc Bất Không Kim Cương**, phương tiện khéo léo thành lập **Thắng Trí**, tất cả sự nghiệp điều phục Thế Gian, khắp cả 3 cõi tự tại tối thắng

Tam Muội Gia này mới ở trong tất cả **Vô Thượng Bồ Đề Chân Thật Giải Thoát Đàn Ấn Pháp** chọn lựa ra, giải thích kỹ càng, làm cho người trì Chân Ngôn viên mãn thành tựu tất cả Bồ Đề, diệt các **cái chướng**

Nếu Bất Sô, Bất Sô Ni, Tộc Tính Nam, Tộc Tính Nữ hay y theo Pháp Môn **Nhất Thiết Bất Không Như Lai Thâm Thâm Trí Ấn Thiện Kiến Lập Tính Kim Cương**, dùng Tâm Đại Bi cung kính, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, viết chép, giải nói. Hoặc lại dạy bảo người viết chép, thọ trì, như Pháp suy nghĩ, thanh tịnh tu hàng, không có tạm bỏ phước, thường y theo mỗi một **Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia** trong **bất Không Quyển Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Tam Muội Gia** như vậy, tùy theo Chân Ngôn Pháp, mỗi mỗi làm Pháp thì **con** (Quán Thế Âm) sẽ đi theo làm ủng hộ, làm cho trừ tội nặng cấu chướng từ vô thủy, làm cho mau hiện cùng với **Bất Không** tùy theo lượng, thành tựu **Pháp Nguyện**

Bạch Đức Thế Tôn! Con thường chẳng buông bỏ người này, sẽ cho an trụ **Bất Thoái Chuyển Địa**, cho đến nơi **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** chuyển bánh xe Pháp. Con thường thừa sự, yêu thích người này cũng như **A Nan** (Ānanda) thừa sự Đức Như Lai không có tạm lười biếng. Như vậy thừa sự cho đến **Niết Bàn** (Nirvāṇa), thu lấy **Xá Lợi** (Śarīra), hết sức dùng 7 báu dựng tháp **Xá Lợi**, đem các hoa, hương, mọi loại phướng, phan, lọng báu, quần áo... thường làm cúng dường, không có lúc đoạn tuyệt

Thế Tôn! Con đối với người này: yêu thích, tôn trọng, quán nhìn, cúng dường như vậy

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu người **Chiên Trà La** (Caṇḍāla) thọ trì Pháp này: chẳng biết ân nghĩa, bên ngoài tỏ bày hiền thiện, bên trong thực hành hủ bại, trộm cắp tất cả

Đà La Ni Chân Ngôn Đàn Ấn Tam Muội Gia, ngã mạn, cao ngạo không có Tâm Bồ Đề, chẳng giữ Tịnh Giới, chẳng trụ Từ Bi, lừa dối, ganh ghét trợ nhau chế diễu khinh thường, chê bai phỉ báng tất cả **Đà La Ni Chân Ngôn Đàn Ấn Tam Muội Gia**, cũng chẳng đủ niềm tin vào **Đà La Ni Chân Ngôn Đàn Ấn Tam Muội Gia** này. Như nhóm người này thật là dòng giống **Ác Tộc Chiên Trà La**

Thế Tôn! Người Chiên Trà La như vậy thì con dùng mọi loại phương tiện, Thần Lực muốn cứu thoát người này chút ít ách nạn, nhưng không thể cứu giúp được. Do **Nhân Duyên** này nên tu chẳng thành, đấy chẳng phải là lỗi của con

Bạch Đức Thế Tôn! Lại có **Bật Sô, Bật Sô Ni**, các Tộc Tính Tử: thân ý yên tịnh lặng lẽ trì **Như Lai Giới**, thấy chính đúng, tin chính đúng **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Quảng Đại Giải Thoát Liên Hoa Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia** này, đầy đủ y theo mọi Pháp, không có các Tâm ganh ghét, ngày đêm tinh cần thọ trì, đọc tụng luôn chẳng đoạn tuyệt... thì **con** (Quán Thế Âm) tùy theo yêu thích, đưa vai gánh vác người này luôn chẳng buông lìa, Pháp mà Tâm đã mong cầu đều làm cho trọn đủ”

Bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai khen Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Lành thay! Lành thay đáng Đại Bi! Ông phát Nguyện này là Nguyện tối thượng. Nguyện như vậy thì ông nên vì Thế Gian độ thoát tất cả hữu tính đều khiến cho an trụ **A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề Địa**”

Khi ấy, **Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ**, tất cả quyền thuộc, Mạn Noa La Thần, Tứ Thiên Vương Thần, tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, La Sát, Càn Thát Bà, A Tó Lạc, Nghiệt Lỗ Trà, Khẩn Na La, Ma Hô La Già, Người, Phi Nhân... cùng một lúc chấp tay, chiêm ngưỡng, đồng thanh khen ngợi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát là: “Lành thay lành thay đáng Đại Bi! Đại chúng chúng tôi đồng ở Thế Gian đi theo **Tôn Giả** (Ayuṣmat) cung kính, cúng dường **Bất Không Quyển Sách Tâm Vương Đà La Ni Chân Ngôn Quảng Đại Giải Thoát Liên Hoa Mạn Noa La Ấn Tam Muội Gia** này

Pháp này chân thật là **Nhất Thiết Như Lai Chủng Tộc Hội Thông Tam Muội Gia**. Chúng tôi đều hay thường siêng năng y theo Pháp thọ trì, đọc tụng, viết chép, lắng nghe, cung kính, cúng dường, cầu Đại Thành Tựu, chủ yếu khiến cho chẳng dứt đoạn

Nếu thấy có người thường y theo Pháp thọ trì, đọc tụng, cung kính, cúng dường thì chúng tôi thường trợ giúp cho thành tựu tợ Pháp.

Bạch Thánh Giả! Chúng tôi biết ơn chứ chẳng phải là chẳng biết, cho nên dùng Tâm bền chắc nguyện thủ hộ lâu dài, chẳng buông bỏ Pháp này”

Lúc đó, Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát bảo các Đại Chúng: “Lành thay! Lành thay! Các người hay phát Nguyện rất tinh tiến này hộ trì Pháp này. Pháp này chân thật là **Nhất Thiết Như Lai Chủng Tộc Hội Thông Tam Muội Gia**”

Bấy giờ, Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ, tất cả quyền thuộc nghe Pháp xong thì vui vẻ, chấp tay, xoay nhiều quanh rồi từ giả quay về cung của mình

KINH BẤT KHÔNG QUYỂN SÁCH THÂN BIÊN CHÂN NGÔN
QUYỀN THỨ HAI MƯỜI BA (Hết)